TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2023/DS-ST
Ngày: 30 - 6 - 2023
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất".

NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông La Văn Việt.

Bà Trần Thị Đổi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân – là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Lê Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm Ckhai vụ án thụ lý số: 200/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2023/QĐST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N (N Bank).

Địa chỉ: Số 201-203, C, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc Toàn – Đại diện theo pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền: Cty TNHH một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP N (Cty AMC – N Bank).

Địa chỉ liên hệ: Số 11-11A-13, An Dương Vương, phường 8, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Người được ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng Trường – Tổng giám đốc Cty AMC kiêm giám đốc chi nhánh TP.HCM.

Ông Trường ủy quyền lại:

1. Ông Trần Tấn Hưng – Chuyên viên xử lý nợ.
2. Ông Phạm Ngọc Trung – Trưởng bộ phận xử lý nợ.

Bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1964;

- Ông Nguyễn Thành D, sinh năm 1987;

- Ông Nguyễn Thành D, sinh năm 1995;

- Ông Nguyễn Thành Khánh D, sinh năm 1998;

Cùng địa chỉ: Ấp N 1, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phan Thị Minh N, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Ấp N 1, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Bà Trần Thị Xuân T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp N 1, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(Ông Hưng và bà H có mặt; ông D và bà N có đơn xin vắng mặt; các đương sự còn lại vắng mặt không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 02 năm 2022, và những lời khai tiếp theo, ông Trần Tấn Hưng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 26/3/2018, ông Nguyễn Thành Cvà bà Nguyễn Thị Ánh H đã ký kết Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0092/2018/904-CV để vay tiền của Ngân hàng TMCP N, cụ thể như sau:

Số tiền vay 500.000.000đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 11,3%/năm (thay đổi 03 tháng/lần); mục tiêu vay là tiêu dùng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 764, tờ bản đồ số 12, diện tích 581m^2, địa chỉ đất tại ấp N 1, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Chủ sử dụng là ông Nguyễn Thành Ctheo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 338726, số vào sổ cấp GCN số H 02255 do UBND huyện Đức Hòa cấp ngày 11/8/2006.

Tổng dư nợ của khoản vay nêu trên tạm tính đến ngày 16/02/2022 là 364.552.327đồng, trong đó nợ gốc là 291.666.385đồng và nợ lãi là 72.885.942đồng.

Trong thời gian thực hiện nghĩa vụ, ông Cvà bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện cho ông Công, bà H trả nợ nhưng ông Công, bà H vẫn không thực hiện.

Ngày 04/01/2020, ông Nguyễn Thành Cchết (Theo trích lục khai tử số 09/TLKT-BS ngày 19/3/2020) tại UBND xã Đ.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết:

Tuyên buộc bà Nguyễn Thị Ánh H, ông Nguyễn Thành D, ông Nguyễn Thành D, ông Nguyễn Thành Khánh D có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP N toàn bộ số nợ gốc và lãi vay theo các Hợp đồng tín dụng đã ký, tổng số tiền tạm tính đến 30/6/2023 là 334.059.260đồng, trong đó: nợ gốc là 227.000.011đồng và nợ lãi là 107.059.249đồng.

Trong thời gian chưa thanh toán nợ, bà H, ông D, ông D và ông D vẫn phải chịu lãi suất quá hạn, lãi phạt theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ.

Khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, bà H, ông D, ông D và ông D vẫn không trả nợ theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản đã ký thì Ngân hàng TMCP N được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 764, tờ bản đồ số 12, diện tích 581m^2, địa chỉ đất tại ấp N 1, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đứng tên quyền sử dụng đất là ông Nguyễn Thành Ctheo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 338726, số vào sổ cấp GCN số H 02255 do UBND huyện Đức Hòa cấp ngày 11/8/2006 để T hồi nợ theo đúng quy định trong hợp đồng thế chấp tài sản cũng như quy định của pháp luật. Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp mà vẫn không đủ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiếp tục kê biên phát mãi các tài sản của bà H, ông D, ông D, ông D đến khi thanh toán toàn bộ số nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh H trình bày: Bà thống nhất theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc ký hợp đồng vay, số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất vay, mục đích vay và tài sản đảm bảo thi hành.

Năm 2020, chồng bà là ông Cchết. Bà và ông Cchung sống có 04 người con: Nguyễn Thành D, sinh năm 1987; Nguyễn Thành D, sinh năm 1995; Nguyễn Thành Khánh D, sinh năm 1998; cùng địa chỉ ấp N 1, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An; Nguyễn Thị Ánh Nhiên, sinh năm 1993; hộ khẩu ấp 3, xã Phạm Văn Hai, quận Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đang hợp tác lao động ở Mã Lai (bà không biết địa chỉ). Cha ông Ctên Nguyễn Văn Sáng (đã chết 2001) và mẹ là Trần Thị Hợi, sinh năm 1925 (chết năm 1963).

Trên phần thửa đất số 764, tờ bản đồ số 12, diện tích 581m^2, đất tại ấp N 1, xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An mà ông Cvà bà thế chấp cho Ngân hàng thì có xây Dng 02 ngôi nhà, 01 căn nhà gồm bà và 03 người con D, D, D và con dâu là bà Phan Thị Minh N đang sinh sống; còn 01 căn nhà của bà Trần Thị Xuân T xây Dng tháng 6/2018. Do gia đình bà bán giấy tay cho bà T. Bà T xây Dng nhà nhưng chưa tách sổ ra được.

Trong quá trình làm việc, bà có khai con chung của bà và ông Nguyễn Thành Clà Nguyễn Thị Ánh Nhiên, sinh năm 1993; hộ khẩu ấp 3, xã Phạm Văn Hai, quận Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, đang hợp tác lao động ở Mã Lai, tuy nhiên,

bà không biết rõ ràng và chính xác địa chỉ của Nhiên. Thỉnh thoảng, Nhiên gọi điện thoại về cho bà, chứ bà không biết Nhiên ở đâu. Việc ngân hàng khởi kiện hợp đồng tín dụng với bà, ông D, ông D và ông D thì Nhiên đều biết nhưng không nói rõ đang ở đâu, không liên quan gì đến vụ án nên bà không thể cung cấp được địa chỉ của Nhiên cho Tòa án.

Nay Ngân hàng yêu cầu khởi kiện bà H, ông D, ông D và ông D có trách nhiệm liên đới trả nợ, bà đồng ý trả gốc và lãi như ngân hàng yêu cầu, tuy nhiên, hiện nay, hoàn cảnh khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng 10.000.000đồng. Ngoài ra, bà không còn trình bày gì bổ sung thêm.

Bị đơn ông Nguyễn Thành Khánh D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị Minh N trình bày: Ông bà thống nhất theo lời trình bày của bà H trong vụ án này, ông bà không có ý kiến gì khác.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Thành D, ông Nguyễn Thành D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Xuân T vắng mặt không rõ lý do, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành Ckhai chứng cứ và đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N (N Bank), Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất*" là những tranh chấp được quy định theo Điều 26, Điều 34 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về thẩm quyền giải quyết, bị đơn có hộ khẩu và hiện đang có mặt tại ấp N 1, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Do đó, theo Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết Tộc Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

[1.2]. Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết:

Ngân hàng TMCP N khởi kiện bà Nguyễn Thị Ánh H, ông Nguyễn Thành Công. Do đó, Ngân hàng TMCP N được xác định là nguyên đơn. Ông Cchết năm 2020 nên Tòa án xác định bà H và các con chung của ông Công, bà H là ông Nguyễn Thành Khánh D,ông Nguyễn Thành D, ông Nguyễn Thành D là bị đơn trong vụ án; bà N, bà T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Trong quá trình làm việc, bà H có khai rằng bà và ông Cchung sống có con chung Nguyễn Thị Ánh Nhiên, tuy nhiên, bà không cung cấp được địa chỉ của bà Nhiên, đồng thời qua qua phiếu đề nghị xác minh ngày 12/4/2023 của Tòa án huyện Đức Hòa thì Can xã Phạm Văn Hai xác nhận trên địa bàn Ô8, Ô9, Ô10, ấp 3, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh đều xác nhận không có nhân khẩu Nguyễn Thị Ánh Nhiên. Vì vậy, Tòa án không đưa bà Nhiên vào tham gia với tư cách người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nếu sau này bà Nhiên có tranh chấp thì sẽ khởi kiện trong một vụ án sau.

Ngân hàng TMCP N tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 còn thời hiệu khởi kiện.

[1.3]. Xét xử vắng mặt: Bị đơn – ông Nguyễn Thành D, ông Nguyễn Thành D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Xuân T đã được tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do; ông Nguyễn Thành Khánh D và bà Phan Thị Minh N có đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[1.4]. Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và pháp luật áp dụng:

Quá trình tố tụng, Ngân hàng TMCP N xuất trình cho Tòa án hợp đồng tín dụng số 0092/2018/904-CV ngày 26/3/2018; giấy nhận nợ số 01/GNN-0092/2018/904-CV ngày 26/3/2018 giữa Ngân hàng với ông Công, bà H; Tòa án xét xử vụ án trên cơ sở xem xét tài liệu, chứng cứ đã được Ckhai tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, Ckhai chứng cứ và lời khai nhận của các đương sự.

Thời điểm phát sinh tranh chấp, luật áp dụng là Bộ luật dân sự năm 2015, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

[2]. Về nội dung yêu cầu: Theo thỏa Tận giữa Ngân hàng với ông Công, bà H thì ông Cvà bà H có nghĩa vụ thanh số tiền vay hàng tháng theo quy định tại biểu phí của Ngân hàng, từng thời kỳ nhưng đến năm 2020 thì ông C và bà H ngừng trả hẳn, ông Cvà bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu bà H, ông D, ông D và ông D có trách nhiệm liên đới trả số tiền còn nợ, tính đến ngày 29/6/2023, bà H, ông D, ông D và ông D còn nợ Ngân hàng TMCP N số tiền là 334.059.260đồng, trong đó: nợ gốc là 227.000.011đồng và nợ lãi là 107.059.249đồng là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Bà H đồng ý trả, tuy nhiên, bà trình bày đang khó khăn nên xin trả tiền gốc là 10.000.000đồng/tháng. Tuy nhiên, Ngân hàng không đồng ý, yêu cầu ông bà trả gốc và lãi là phù hợp theo quy định Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 của Quốc Hội 12.

[3]. Ngân hàng yêu cầu tính lãi suất phát sinh từ ngày vi phạm hợp đồng cho đến ngày xét xử sơ thẩm và yêu cầu lãi suất chậm thi hành đối với nghĩa vụ trả tiền là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

[4]. Ngân hàng yêu cầu khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, bà H và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Cvẫn không trả nợ theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản đã ký thì Ngân hàng TMCP N được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là

quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 764, tờ bản đồ số 12, diện tích 581m^2, địa chỉ đất tại ấp N 1, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Chủ sử dụng là ông Nguyễn Thành Ctheo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 338726, số vào sổ cấp GCN số H 02255 do UBND huyện Đức Hòa cấp ngày 11/8/2006 để T hồi nợ theo đúng quy định trong hợp đồng thế chấp tài sản cũng như quy định của pháp luật. Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp mà vẫn không đủ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiếp tục kê biên, phát mãi các tài sản của bà H, ông D, ông D và ông D đến khi thanh toán toàn bộ số nợ.

[5]. Đối với căn nhà của bà Trần Thị Xuân T được xây Dng trên thửa đất đang thế chấp ngân hàng, tuy nhiên, được xây Dng sau thời điểm bà H, ông Cthế chấp ngân hàng. Đồng thời, mặc dù bà H nhận được các văn bản tống đạt của Tòa án nhưng bà vẫn không đến làm việc, cũng như không có văn bản phản hồi ý kiến nên HĐXX không đề cập, xem xét. Nếu sau này, bà T có tranh chấp với bà H, ông D, ông D và ông D thì sẽ khởi kiện trong một vụ án khác.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H, ông D, D, D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sung Cquỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, bà H là người cao tuổi (người từ đủ 60 tuổi trở lên theo Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009), do đó căn cứ vào điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà H được miễn nộp tiền án phí Tòa án.

Các ông D, ông D, ông D phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể như sau: (334.059.260đồng x 5%) x ¾ = 12.527.222đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 186, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 429, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng số: 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 của Quốc Hội 12;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất" đối với bà

Nguyễn Thị Ánh H, ông Nguyễn Thành D, ông Nguyễn Thành D, ông Nguyễn Thành Khánh D.

Buộc bà Nguyễn Thị Ánh H, ông Nguyễn Thành D, ông Nguyễn Thành D, ông Nguyễn Thành Khánh D phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền còn nợ tính đến ngày 30/6/2023 là 334.059.260đồng, trong đó: nợ gốc là 227.000.011đồng và nợ lãi là 107.059.249đồng, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 01/7/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa Tận trong hợp đồng.

Trường hợp bà H, ông D, ông D và ông D không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP N được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 764, tờ bản đồ số 12, diện tích 581m^2, địa chỉ đất tại ấp N 1, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An do ông Nguyễn Thành Ctheo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 338726, số vào sổ cấp GCN số H 02255 do UBND huyện Đức Hòa cấp ngày 11/8/2006 đứng tên quyền sử dụng đất để T hồi nợ theo đúng quy định trong hợp đồng thế chấp tài sản cũng như quy định của pháp luật.

Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp mà vẫn không đủ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiếp tục kê biên phát mãi các tài sản của bà H, ông D, ông D và ông D đến khi thanh toán toàn bộ số nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Thành D, ông Nguyễn Thành D, ông Nguyễn Thành Khánh D phải liên đới chịu 12.527.222đồng án phí dân sự sơ thẩm sung Cquỹ Nhà nước.

Bà H được miễn án phí.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP N đã nộp là 9.113.808đồng (Chín triệu, một trăm mười ba ngàn đồng, tám trăm lẻ tám đồng) theo biên lai T số 0009919 ngày 16/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm Ckhai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND huyện Đức Hòa;
-TAND tỉnh Long An;
- Lưu HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Cương

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Toà án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố Tộc tỉnh thì ghi rõ tên Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố Tộc tỉnh, thành phố trực Tộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực Tộc trung ương thì ghi Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: "Số:100/2017/DS-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: "Số:108/2017/HNGĐ-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: "Số:110/2017/KDTM-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: "Số:115/2017/LĐ-ST").

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà, bỏ dòng "Thẩm phán...", đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ "Toà án nhân dân" thành "Viện kiểm sát nhân dân".

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ "Trong các" (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi "Trong các ngày" (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: "Từ ngày đến ngày" (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ "Ckhai" bằng từ "kín".

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi "KDTM"; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: "văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...".

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Cty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và Tộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức D, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án Tộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ Cbằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi

vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Toà án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)